



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn

Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.11.09 /TN – 18

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED Downlight nổi trần đổi màu NT03 120/10W (đen)
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Customer Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái
Quantity of samples
- Ký hiệu: NT03 120/10W
Model
- Mã số mẫu: 24.11.09.18
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 09/ 11/ 2024
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02
Result

Thử nghiệm viên/Tester

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 16/ 11/ 2024

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Test Results**

TT/ No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Yêu cầu Requirement	Kết quả Result		
1	Ghi nhãn		TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2015	Rõ ràng, đủ độ bền	Đạt		
2	Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ $(20 \pm 30) ^\circ\text{C}$, độ ẩm tương đối $(91 \pm 95) \% \text{RH}$.		TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014				
2.1	Điện trở cách điện	MΩ		≥ 2	> 200		
2.2	Thử nghiệm độ bền điện áp 1-440 V/1 phút, tần số 50 Hz			Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng	Đạt		
3	Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz				6500K	4000K	3000K
3.1	Công suất tiêu thụ	W		$\leq 10 + 10\%$	9,83	9,47	9,81
3.2	Dòng điện	mA		--	83,1	80,5	83,0
3.3	Hệ số công suất			$\geq 0,5 - 0,05$	0,537	0,533	0,536
3.4	Quang thông	lm					
	• 6500K			$\geq 800 - 10\%$	888,8		
	• 4000K			$\geq 800 - 10\%$		936,0	
	• 3000K			$\geq 720 - 10\%$			858,2
3.5	Hiệu suất phát sáng	lm/W					
	• 6500K			$\geq 80 - 20\%$	90,4		
	• 4000K			$\geq 80 - 20\%$		98,9	
	• 3000K			$\geq 72 - 20\%$			87,5
3.6	Nhiệt độ màu tương quan (CCT)	K		--	6 750	4 385	3 094
3.7	Chỉ số thể hiện màu (CRI)			$\geq 80 - 3$	82,7	85,4	82,5